

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2026/KDTM-ST

Ngày: 30 – 03 – 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng cho
thuê tài chính, hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường;

2. Ông Đặng Thành Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ** tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TL.ST-KDTM ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính, hợp đồng bảo lãnh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty C3;

Trụ sở: Tầng 9-26-28-29, Cao Ốc S, số C, T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông C, Y-C – chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 01/2024/GUQ ngày 02/01/2024 và Giấy ủy quyền số 965/2024/GUQ-COL ngày 01/11/2024): Ông Nguyễn Minh K – chức vụ: Nhân viên thu hồi công nợ.

Địa chỉ: Tầng G, Tầng A và tầng 2 trong tòa nhà văn phòng A2, tại số C khu A, TTTM phức hợp C, đường Q, khu V, phường H, thành phố Cần Thơ. Có

mặt

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Một thành viên D;

Trụ sở: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc C1 – chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 10/04/2025): Bà Nguyễn Thị Tú A;

Địa chỉ: Số D, Lê Tấn Q, C, phường C, thành phố Cần Thơ. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1973 (có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Số A, đường C, phường N, thành phố Cần Thơ, hiện đang chấp hành án tại Trại giam K1 – Cục C4, Bộ C5.

2/ Công ty Cổ phần T1;

Địa chỉ trụ sở: Số B, đường X, khu dân cư H, phường A, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng G - chức vụ: Giám đốc (có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty C3 và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh K trình bày như sau:

Công ty C3 (sau đây gọi tắt là Công ty C3) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (có thời gian thay đổi tên là Công ty Trách nhiệm hữu hạn X, sau đây gọi tắt là Công ty D) là khách hàng thuê tài chính của Công ty C3.

Do Công ty D có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C3 tài trợ tài chính nên hai bên đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B2303013C3 ký ngày 12/5/2023 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, tài sản mà Công ty D thuê tài chính là: Một (01) máy ủi, hiệu: KOMATSU, model: D31PX-21, số khung: KMT0D007A01051207, số máy: 4D10226391016, biển số: 50XA-6455; Một (01) máy ủi, hiệu: KOMATSU, model: D31PX-21, số khung: KMT0D007K01051315, số máy: 4D10226397343, biển số: 50XA-6466 (sau đây gọi là “Tài sản thuê”).

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty D theo Hợp đồng thuê, Công ty C3 chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của ông Phạm Quốc V ký ngày 12/05/2023. Theo đó, trường hợp Công ty D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Phạm Quốc V cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty D.

Để thực hiện các Hợp đồng thuê này, Công ty C3 đã ký Hợp đồng mua bán số B2303013C3-PC ký ngày 12/5/2023 để mua chính Tài sản thuê nêu trên và cho Công ty D thuê lại. Đây là hình thức mua và cho thuê lại theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính. Công ty D đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản vào ngày 16/05/2023.

Tổng giá trị của tài sản là 2.500.000.000 đồng, trong đó Công ty D trả trước 625.000.000 đồng, Công ty C3 tài trợ vốn với giá trị còn lại tương ứng (“Giá trị thuê”) là 1.875.000.000 đồng. Lãi suất thuê áp dụng cho 6 kỳ thanh toán đầu tiên là lãi suất cố định: 11%/năm. Lãi suất thuê áp dụng cho kỳ thanh toán thứ 7 trở đi là lãi suất thả nổi được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C3 có biên độ là 4.35%/năm, với mức lãi suất tại ngày bắt đầu thuê là 12.04%/năm. Thời hạn thuê là 36 tháng, bắt đầu từ ngày 16/05/2023 đến ngày 15/05/2026.

Hàng tháng, Công ty D phải thanh toán cho Công ty C3 tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C3 đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty D trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C3 vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v với Tài sản thuê. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã thanh toán đến kỳ thứ tư, ngày 15/9/2023, sau đó ngưng thanh toán, vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 08/12/2023, do Công ty D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của Hợp đồng thuê, Công ty C3 đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, yêu cầu Công ty D thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 08/12/2023 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 1.915.476.885 đồng.

Ngày 18/12/2023, Công ty D đã giao trả Tài sản thuê cho Công ty C3. Ngày 18/09/2024, Công ty C3 đã tiến hành thanh lý Tài sản thuê với giá 870.000.000 đồng (bao gồm VAT). Sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý Tài sản thuê, số tiền thu được đã được căn trừ toàn bộ vào nợ gốc

của Công ty D. Cho đến nay, Công ty D không thanh toán cho Công ty chúng tôi bất cứ khoản tiền thuê nào.

Về việc xử lý tài sản thuê: Theo thoả thuận tại Điều 26.3.4 của Hợp đồng cho thuê tài chính: *“Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên thuê nhận được thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, Bên thuê được quyền tìm người mua lại tài sản thuê và phải gửi thông báo bằng văn bản cho bên cho thuê về các thông tin của người mua và mức giá đề nghị. Sau thời hạn này, nếu bên cho thuê không nhận được thông báo từ bên thuê hoặc mức giá đề nghị thấp hơn giá thị trường thì bên cho thuê có quyền xử lý (bán, cho thuê, sử dụng, xuất khẩu, vv) hay chuyển nhượng tài sản thuê, bao gồm cả phần (bộ phận) được thêm vào, cải tiến hay thay đổi như được quy định tại Điều 23.2 của hợp đồng thuê, cho một bên khác hay pháp nhân khác theo giá thị trường mà không cần phải định giá hay đấu giá bởi bất cứ cơ quan hay tổ chức nào, trừ trường hợp bên cho thuê tự mình quyết định, xét thấy cần định giá và hoặc đấu giá”*. Hết thời hạn nêu trên, Công ty C3 không nhận được bất kỳ văn bản nào của Công ty V1 ý kiến liên quan đến việc xử lý Tài sản thuê. Nên Công ty C3 tiến hành rao bán Tài sản thuê theo giá thị trường và người mua tài sản trên là Công ty Cổ phần T1;

Xét thấy, Công ty D cần nắm thông tin liên quan đến việc xử lý Tài sản thuê, nên trong quá trình xử lý tài sản, Công ty C3 đều gửi Thông báo cho Công ty D và người liên quan qua dịch vụ bưu chính, gmail, zalo (các chứng cứ chứng minh việc gửi thông báo đã được Công ty C3 cung cấp cho Tòa án). Tuy nhiên, Công ty C3 không nhận được bất cứ phản hồi nào. Vậy nên, Công ty C3 đã tiến hành thanh lý tài sản, cân trừ nợ theo quy định.

Nay Công ty C3 yêu cầu giải quyết:

- Buộc Công ty D thanh toán cho Công ty C3 toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh trên Hợp đồng cho thuê tài chính số B2303013C3 ký ngày 12/5/2023 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.039.655.798 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 614.898.989 đồng, nợ lãi trong hạn: 248.810.221 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 30/3/2026: 175.946.588 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh theo Hợp đồng cho thuê cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp Công ty D không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc người bảo lãnh là ông Phạm Quốc V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C3 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn Công ty D là bà Nguyễn Thị Tú A trình bày:

Trước đây tên của doanh nghiệp là Công ty TNHH MTV D, người đại diện theo pháp luật là chồng của tôi tên Phạm Quốc V, cũng là chủ sở hữu Công ty. Đến ngày 20/7/2023, ông V bị Công an mời làm việc và giữ lại câu lưu để làm việc, sau đó bị tạm giam. Trong thời gian này, em ruột của ông V là Phạm Thị Hồng N tự ý làm thủ tục thay đổi chủ sở hữu Công ty và thay đổi người đại diện theo pháp luật là Phạm Thị Hồng N; đồng thời thay đổi tên doanh nghiệp từ Công ty TNHH MTV D thành Công ty TNHH MTV X (ngày 06/9/2023).

Sau đó, cơ quan điều tra (C03) phát hiện việc làm này nên đã mời bà Phạm Thị Hồng N làm việc yêu cầu bà N làm thủ tục để thay đổi lại như lúc ban đầu. Sau đó, bà N làm thủ tục thay đổi lại tên công ty, chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật. Đến ngày 01/12/2023, Phòng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch & tư tỉnh H đã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như trước khi thay đổi, cụ thể tên công ty là: Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV D, chủ sở hữu là ông Phạm Quốc V, người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Quốc C1 (là con của tôi và ông V). Đến nay Phạm Quốc C1 vẫn là đại diện theo pháp luật, không có thay đổi gì.

Việc Công ty D ký kết hợp đồng thuê tài chính với Công ty C3 vào ngày 12/5/2023 do chồng tôi là ông V trực tiếp thỏa thuận và ký kết, vì thời điểm đó ông V là chủ sở hữu, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty D. Sau khi ông V bị bắt thì mọi vấn đề liên quan đến việc thực hiện hợp đồng giữa Công ty D và Công ty C3 tôi hoàn toàn không nắm được. Về việc thanh toán, tôi không biết có thanh toán được khoản tiền nào không, vì sau khi ông V bị bắt thì giấy tờ bị thất lạc nên không biết được. Việc Công ty C3 thu hồi lại tài sản thuê là 02 xe ủi (máy ủi), nhân viên của Công ty là Huỳnh Văn P có thông báo lại cho tôi biết, giao 02 máy ủi ngày 18/12/2023.

Việc Công ty C3 thanh lý tài sản thuê là 02 xe ủi đã thuê, ty Văn A1 hoàn toàn không hay biết, cũng như không nhận được bất kỳ văn bản nào của Công ty C3 có liên quan đến việc thanh lý 02 chiếc xe ủi đã thuê. Tôi nhớ trước khi thu hồi 02 chiếc xe ủi, thì người của ty C2 là Nguyễn Minh K có đến gặp tôi tại nhà của tôi để trao đổi, K có nói với tôi là thu hồi lại 02 chiếc xe ủi để cho đối tác khác thuê lại để trừ khoản nợ ty Văn A1 còn nợ. Sau đó, 02 chiếc xe bị thu hồi, từ đó về sau tôi không gặp K lần nào nữa.

Công ty D cũng như cá nhân tôi không nhận được Thông báo V/v xúc tiến thanh lý tài sản thuê ngày 28/02/2024 và Thông báo V/v xúc tiến thanh lý tài sản thuê lần 2 ngày 08/7/2024 của Công ty C3 cũng như bất cứ thông báo nào của Công ty C3. Công ty D không có lần nào từ chối nhận thư của Công ty C3. Thời điểm đó, ty Văn A1 ngưng hoạt động, tuy nhiên phía Công ty C3 vẫn biết nhà của tôi, Nguyễn Minh K biết rất rõ nhà của tôi vì đã đến nhiều lần nhưng không có lần nào gửi trực tiếp thư cho tôi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C3 yêu cầu Công ty D thanh toán khoản nợ gốc (sau khi trừ khoản tiền ký cược, khoản tiền bán tài sản thuê) là 625.000.000 đồng và lãi trong hạn 246.810.221 đồng, lãi quá hạn là 175.946.588 đồng, thì tôi không đồng ý, với lý do: Tài sản thuê là 02 chiếc xe ủi là mua mới và Công ty D đã thanh toán được 625.000.000 đồng, chưa hoạt động gì thì ông V bị bắt và Công ty C3 đã thu hồi xe lại. Việc Công ty C3 bán 02 chiếc xe ủi đã thuê thì Công ty D, cũng như gia đình tôi hoàn toàn không hay biết. Theo tài liệu Công ty cho thuê tài chính cung cấp thì giá bán 02 chiếc xe tổng cộng là 870.000.000 đồng là thấp hơn rất nhiều so với giá thị trường, vì 02 xe ủi này là xe ủi chưa hoạt động gì, giá trị trường đảm bảo đủ để thanh toán khoản nợ. Nếu tôi có nhận được Thông báo của Công ty C3 thì tôi đã mua lại hoặc tìm đối tác khác để mua lại tài sản thuê này.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quốc V trình bày:

Giữa ty C6 và ty V2 có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B2303013C3 ký ngày 12/5/2023. Theo Hợp đồng thì ty V2 thuê 02 xe ủi đúng như thông tin trong Hợp đồng mua bán với Công ty TNHH X1. Khi thuê ty V2 đã thanh toán được 30% giá trị tài sản thuê, có nộp một khoản tiền ký cược. Với tư cách cá nhân, tôi có ký Thư bảo lãnh cá nhân ngày 12/5/2023 để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của ty V2.

Tôi nhận tài sản thuê hoạt động khoảng 03 tháng thì tôi bị bắt (tháng 8/2023), từ đó ty V2 không thể hoạt động. Đây là sự kiện bất khả kháng dẫn đến không thể thực hiện hợp đồng với ty C6. Từ lúc tôi bị bắt, tạm giam đến nay thì tôi không nhận được bất cứ thông báo nào của ty C6 liên quan đến thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính. Tôi không nhận được Thông báo về việc xúc tiến, thanh lý tài sản thuê. Ngoài ra, thông qua gia đình thì tôi cũng được biết ty Văn A1 (ty Văn Phát 236) cũng không nhận được các thông báo này.

Trong vụ án này, tôi không đồng ý trả khoản nợ còn lại cho ty Chailease với lý do:

- Giá trị tài sản (02 xe ủi) tôi chỉ sử dụng 03 tháng nên giá trị còn lại vẫn đủ để thanh toán khoản nợ còn lại theo hợp đồng thuê.

- Việc ty Chailease thanh lý tài sản thuê thì cá nhân tôi và ty Văn A1 không nhận được bất kỳ thông báo nào của ty C6 để thực hiện quyền mua lại hoặc tìm đối tác khác mua lại với giá cao hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận.

- Việc ty Văn A1 không thanh toán nghĩa vụ theo hợp đồng là do bất khả kháng vì khi đó tôi bị khởi tố, bắt giam chứ không phải vi phạm hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện ty Cổ phần tư xây lắp T2 trình bày: Công ty Cổ phần T1 có ký hợp đồng mua bán ngày 16/8/2024 với ty C6 để mua tài sản là 02 máy ủi, hiệu KOMATSU, model: D31PX-21, biển số 50Xa-6455, 50XA-6466 với tổng giá trị là 870.000.000 đồng, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Ngoài ra, tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính giữa ty Chailease và ty V2 chúng tôi không liên quan, nên xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V và Công ty Cổ phần T1 tại phiên tòa vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 335, 336, 342 Bộ luật Dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C3.

Buộc Công ty D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C3 số tiền Nợ gốc: 614.898.989 đồng, nợ lãi trong hạn 248.810.221 đồng, nợ lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Phạm Quốc V phải có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty C3 khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty D thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cho thuê tài chính đã ký kết, đồng thời yêu cầu người bảo lãnh là ông Phạm Quốc V thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Thư bảo lãnh đã ký. Công ty D có địa chỉ trụ sở tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, thành phố Cần Thơ). Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, ký kết hợp đồng với nhau đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, có căn cứ xác định là vụ án kinh doanh thương mại về: “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản, hợp đồng bảo lãnh” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ).

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quốc V và Công ty Cổ phần T1 vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Giữa Công ty C3 và Công ty D có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B2303013C3 ký ngày 12/5/2023. Theo đó, tài sản mà Công ty D thuê tài chính là: Một (01) máy ủi, hiệu: KOMATSU, model: D31PX-21, số khung: KMT0D007A01051207, số máy: 4D10226391016, biển số: 50XA-6455; Một (01) máy ủi, hiệu: KOMATSU, model: D31PX-21, số khung: KMT0D007K01051315, số máy: 4D10226397343, biển số: 50XA-6466. Tổng giá trị của tài sản là 2.500.000.000 đồng, trong đó Công ty D trả trước 625.000.000 đồng, Công ty C3 tài trợ vốn với giá trị còn lại tương ứng (“Giá trị thuê”) là 1.875.000.000 đồng. Lãi suất thuê áp dụng cho 6 kỳ thanh toán đầu tiên là lãi suất cố định: 11%/năm. Lãi suất thuê áp dụng cho kỳ thanh toán thứ 7 trở đi là lãi suất thả nổi được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C3 có biên độ là 4,35%/năm, với mức lãi suất tại ngày bắt đầu thuê là 12,04%/năm. Thời hạn thuê là 36 tháng, bắt đầu từ ngày 16/05/2023 đến ngày

15/05/2026. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty D theo Hợp đồng thuê, Công ty D nộp tiền ký cược bảo đảm là 125.000.000 đồng, đồng thời Công ty C3 chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của ông Phạm Quốc V ký ngày 12/05/2023. Theo đó, trường hợp Công ty D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Phạm Quốc V cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty D. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Công ty D là bà Tú A và ông Phạm Quốc V thừa nhận Công ty D có ký kết hợp đồng cho thuê tài chính B2303013C3 ký ngày 12/5/2023, đồng thời ông V là người bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Công ty C3 cho rằng quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, phía Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thuê, nên ngày 08/12/2023, Công ty C3 đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty D thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 08/12/2023 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 1.915.476.885 đồng. Đến ngày 18/12/2023, Công ty C3 đã thu hồi tài sản thuê. Ngày 18/09/2024, Công ty C3 đã tiến hành thanh lý Tài sản thuê với giá 870.000.000 đồng (bao gồm VAT). Sau khi trừ các chi phí phát sinh, cân trừ vào nợ gốc thì Công ty D còn nợ số tiền nợ gốc là 614.898.989 đồng và lãi.

[3.3] Đại diện Công ty D là bà Tú A và ông Phạm Quốc V không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty C3, vì việc Công ty C3 thanh lý tài sản thuê là 02 máy ủi thì Công ty D không hề hay biết, và giá bán 02 máy ủi với số tiền 870.000.000 đồng là thấp hơn rất nhiều so với giá thị trường. Nếu Công ty D nhận được Thông báo của Công ty C3 thì đã thực hiện quyền mua lại hoặc tìm đối tác khác để mua lại tài sản thuê.

[3.4] Xét thấy, về việc chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính và xử lý tài sản thuê:

[3.4.1] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty C3 đã ban hành Thông báo chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê. Về việc xử lý tài sản thuê, theo thoả thuận tại Điều 26.3.4 của Hợp đồng cho thuê tài chính: *“Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên thuê nhận được thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, Bên thuê được quyền tìm người mua lại tài sản thuê và phải gửi thông báo bằng văn bản cho cho thuê về các thông tin của người mua và mức giá đề nghị. Sau thời hạn này, nếu bên cho thuê không nhận được thông báo từ bên thuê hoặc*

mức giá đề nghị thấp hơn giá thị trường thì bên cho thuê có quyền xử lý (bán, cho thuê, sử dụng, xuất khẩu, vv) hay chuyển nhượng tài sản thuê, bao gồm cả phần (bộ phận) được thêm vào, cải tiến hay thay đổi như được quy định tại Điều 23.2 của hợp đồng thuê, cho một bên khác hay pháp nhân khác theo giá thị trường mà không cần phải định giá hay đấu giá bởi bất cứ cơ quan hay tổ chức nào, trừ trường hợp bên cho thuê tự mình quyết định, xét thấy cần định giá và hoặc đấu giá”. Công ty C3 cho rằng hết thời hạn nêu trên, Công ty C3 không nhận được bất kỳ văn bản nào của Công ty D có ý kiến liên quan đến việc xử lý Tài sản thuê, nên Công ty C3 tiến hành rao bán tài sản thuê theo giá thị trường và người mua tài sản trên là Công ty Cổ phần T1 với giá bán là 870.000.000 đồng.

[3.4.2] Công ty C3 có giao nộp cho Tòa án tài liệu là các thư gửi cho Công ty D và ông Phạm Quốc V có nội dung “Thông báo chấm dứt hợp đồng và thu hồi TST”, Thông báo v/v xúc tiến thanh lý tài sản thuê lần 1 (ngày 28/02/2024) và lần 2 (ngày 08/7/2024), do đơn vị chuyển phát nhanh 247 Express thực hiện, nhưng không chuyển phát thành công. Đồng thời, Công ty C3 có cung cấp tài liệu là tin nhắn gửi qua zalo cho bà Nguyễn Thị Tú A, cũng như gửi qua địa chỉ G “Congtyvananh39ct@gmailcom”, . Căn cứ Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký kết, tại Điều 31. Địa chỉ: “*Bên Cho T và hoặc Bên Thuê sẽ gửi các thông báo bằng văn bản cho nhau qua các địa chỉ được nêu ở Phần 2 của Phụ Lục số 01 và/hoặc bằng cách thức như được thỏa thuận tại Hợp Đồng Thuê này. Trong trường hợp Bên Cho Thuê và hoặc Bên Thuê thay đổi địa chỉ gửi thông báo thì phải báo cho bên kia biết trước khi thay đổi ít nhất năm (05) ngày. Ngoài trừ những trường hợp cụ thể đã được quy định trong Hợp Đồng Thuê hoặc khi có bằng chứng rõ ràng về việc một bên đã nhận được thông báo và hoặc tin nhắn của bên kia, (i) mọi thông báo đã được một bên gửi cho bên kia theo đúng địa chỉ đang được áp dụng sẽ được xem là đã nhận được bởi bên nhận thông báo sau hai (02) ngày kể từ ngày thông báo được gửi đi, khi có bằng chứng về việc gửi thông báo; (ii) mọi tin nhắn đã được một bên gửi cho bên kia theo đúng địa chỉ thư điện tử/số điện thoại di động mà bên còn lại đã đăng ký cho bên kia sau khi hệ thống nhắn tin báo là tin nhắn đã được gửi đi*”, thì Công ty C3 đã thực hiện gửi Thông báo hợp lệ cho Công ty D. Việc các Thư gửi đi không chuyển phát thành công cho Công ty D là do lỗi của Công ty D.

[3.4.3] Về việc xử lý tài sản thuê: Công ty C3 tiến hành rao bán tài sản thuê và người mua tài sản trên là Công ty Cổ phần T1 với giá bán là 870.000.000

đồng. Xét việc Công ty C3 xử lý tài sản thuê nêu trên là đúng thỏa thuận tại Điều 26.3.4 của Hợp đồng cho thuê tài chính. Đại diện Công ty D cho rằng Công ty D hoàn toàn không nhận được bất cứ văn bản nào có liên quan đến việc thu hồi, thanh lý tài sản thuê, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bà Tú A thừa nhận việc Công ty C3 thu hồi tài sản thuê là 02 xe ủi, nhân viên của Công ty D là Huỳnh Văn P có thông báo lại cho bà biết, cho thấy việc Công ty C3 thu hồi tài sản thuê để thanh lý, phía Công ty D đã biết, nhưng vẫn không thực hiện quyền tìm người mua lại tài sản thuê theo thỏa thuận của Hợp đồng cho thuê tài chính. Do đó, việc Công ty C3 tiến hành thanh lý, bán tài sản thuê là đúng nội dung thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng cho thuê tài chính.

[4] Công ty C3 đã tiến hành thanh lý Tài sản thuê với giá 870.000.000 đồng (bao gồm VAT). Sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản thuê, số tiền thu được, tiền ký cược đã được căn trừ toàn bộ vào nợ gốc của Công ty D, Công ty D còn nợ số tiền nợ gốc là 614.898.989 đồng, tiền lãi trong hạn là 248.810.221, lãi quá hạn trên dự nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (30/03/2026) là 175.946.588 đồng, tổng cộng là 1.039.655.798 đồng. Căn cứ các Điều 91, 95, 112 và 113 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 21, Điều 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty C3 và công ty cho thuê tài chính; Điều 35, Điều 36 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân, thì yêu cầu khởi kiện của Công ty C3 là có căn cứ chấp nhận. Đồng thời, Công ty D phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính kể từ ngày 31/03/2026 cho đến ngày trả hết nợ.

[5] Về nghĩa vụ của người bảo lãnh: Thư bảo lãnh cá nhân 12/5/2023 của ông Phạm Quốc V được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 335 và Điều 336 của Bộ luật Dân sự. Do đó, trường hợp Công ty D không thanh toán được số tiền còn nợ thì ông Phạm Quốc V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C3 theo nội dung Thư bảo lãnh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ. Đối với việc ông Phạm Quốc V cho rằng việc Công ty D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng là bất khả kháng do ông bị Cơ quan điều tra (C03) bắt, tạm giam là không có căn cứ. Bởi lẽ, Công ty D là pháp nhân hoạt động có tổ chức, có nhân sự, khi ông V là chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật bị bắt, tạm giam

thì trên thực tế Công ty đã tiến hành các thủ tục thay đổi chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật để tiếp tục thực hiện các công việc có liên quan, nên không thể cho rằng việc ông V bị bắt, tạm giam là bất khả kháng.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Công ty D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 43.189.673 đồng.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C3. Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 335; Điều 342; Điều 351 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 112, Điều 113 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C3 về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên D có trách nhiệm trả cho Công ty C3 số tiền 1.039.655.798 đồng, trong đó nợ gốc 614.898.989 đồng; nợ lãi trong hạn 248.810.221 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 30/03/2026 là 175.946.588 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 31/3/2026 theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính số B2303013C3 ngày 12/5/2023 cho đến khi Công ty TNHH Một thành viên D trả hết nợ.

Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên D không thanh toán được số tiền còn nợ thì ông Phạm Quốc V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH C3 theo nội dung Thư bảo lãnh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ.

2. Về án phí: Công ty TNHH Một thành viên D phải chịu 43.189.673 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty C3 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.677.193 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004953 ngày 13/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND khu vực 14 – Cần Thơ;
- THA dân sự TP. Cần Thơ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh